

## LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO QUYỂN 19

### PHẨM 11: THÂU NHIẾP QUYẾT TRẠCH THỪ THẮNG (Phần 3)

Như vậy, đã nói xong về quyết trạch giới sự, đối với các tạp nhiễm mà quyết định lựa chọn vượt hơn. Phiền não tạp nhiễm lựa chọn vượt hơn ra sao, nay sẽ nói.

Tụng rằng:

*Ý tương ứng bốn hoặc,  
Biến hành cùng khởi lên,  
Vô ký diệt sau cùng.  
Tính kia sinh ra theo.*

**Luận chép:** Nên biết, ý tương ứng với phiền não đi khắp tất cả vị trí, tất cả tâm thiện hữu lậu. Chúng hiện hành cùng lúc không trái nhau. Lại nữa, phiền não này cùng lúc sinh khởi, chẳng phải phân biệt mà khởi. Nó là loại tính chất hữu phú vô ký, không phải tính bất thiện. Nó bị dứt ngay vào Định Kim cương Dục. Lại nữa, phiền não này có bốn thứ là vô minh, Tát-ca-da kiến (thân kiến), ngã mạn, ngã ái. Nên biết, nếu Bồ-đặc-già-la sinh trong thế giới này, thì ý tương ứng với phiền não, tức thuộc về thể tính của cõi này.

Tụng rằng:

*Tất cả sinh nối tiếp,  
Hiện khởi cùng với duyên,  
Cảnh tùy miên thô, nặng,  
Đều hai mươi khác nhau.*

**Luận chép:** Nếu sinh vào thế giới này, tức đất là giới hạn của đất, tất cả phiền não cứ nối nhau sinh mãi. Lại nữa, phiền não tạp nhiễm hoặc hiện hành, hoặc duyên, hoặc tùy niên, hoặc cảnh sở duyên, hoặc thô, nặng, nên biết, mỗi phiền não đều có hai mươi tướng. Hiện hành của hai mươi tướng ấy là:

1. Hiện hành tùy theo sự trói buộc ở cõi Dục, nghĩa là người tại

- gia.
2. Hiện hành không tùy theo sự trói buộc ở cõi Dục, nghĩa là người xuất gia.
  3. Không biết rõ, nghĩa là người nói pháp ở chỗ ác.
  4. Có hiểu rõ là nói pháp nơi chỗ lành.
  5. Thêm lớn cho nhau, là các hành vi như tham, v.v...
  6. Đều bình đẳng là thực hành phần bình đẳng.
  7. Kém mỏng là thực hành việc trần kém mỏng.
  8. Hiện hành sự trói buộc ở cửa ngoài là người lìa khỏi ham muốn.
  9. Hiện hành sự trói buộc ở cửa trong là lìa trói buộc ham muốn đạo lý thế gian.
  10. Hiện hành trói buộc thêm lớn, nghĩa là phạm phu.
  11. Hiện hành sự trói buộc quên mất là hàng Hữu học.
  12. Hiện hành sự trói buộc phân biệt là người chấp chặt vững chắc.
  13. Hiện hành sự trói buộc cũng lúc sinh khởi, là người không chấp chặt vững chắc.
  14. Hiện hành quán sát là người thích quán xét.
  15. Hiện hành không tự tại, là người ngủ.
  16. Hiện hành tự tại là người thức.
  17. Hiện hành không thể cứu giúp là người không có pháp Niết-bàn.
  18. Hiện hành có thể cứu giúp là người có pháp Niết-bàn.
  19. Hiện hành giữ lấy tướng hiện tại là người suy nghĩ về tướng nào thì giữ lấy tướng của pháp ấy.
  20. Hiện hành không giữ lấy tướng hiện tại là người không suy nghĩ tướng nào, không giữ theo từng tướng mạo của pháp nào.
- Duyên sinh phiền não có hai mươi thứ:
1. Vui.
  2. Khổ.
  3. Không khổ, không vui.
  4. Ham muốn.
  5. Tìm kiếm.
  6. Xúc chạm.
  7. Đã có thói quen trước.
  8. Tùy miên;
  9. Không gần gũi bạn lành.

10. Không lắng nghe chánh pháp.
  11. Không tác ý đúng lý.
  12. Không tin.
  13. Lười biếng.
  14. Quên mất.
  15. Tán loạn.
  16. Không hiểu biết chân chính.
  17. Phiền não buông lung.
  18. Tính phàm phu.
  19. Do lìa ham muốn.
  20. Do thọ sinh.
- Phiền não tùy miên có hai mươi thứ:
1. Tùy miên Địa bất định.
  2. Tùy miên Địa định.
  3. Tùy miên Tùy tự cảnh.
  4. Tùy miên theo Cảnh khác.
  5. Tùy miên Bị tổn hại.
  6. Tùy miên Chưa bị tổn hại.
  7. Tùy miên Thuận theo .
  8. Tùy miên Không thuận theo.
  9. Tùy miên Đầy đủ.
  10. Tùy miên Thiếu giảm.
  11. Tùy miên có thể hại.
  12. Tùy miên Không thể hại.
  13. Tùy miên Tăng thượng.
  14. Tùy miên Bình đẳng.
  15. Tùy miên nhỏ mỏng.
  16. Tùy miên Có giác.
  17. Tùy miên Vô giác.
  18. Tùy miên Cuộc sống có nhiều đau khổ.
  19. Tùy miên Cuộc sống ít đau khổ.
  20. Tùy miên Sống không khổ.
- Cảnh sở duyên của phiền não, có hai mươi thứ là:
1. Duyên theo cảnh (cảnh) có việc.
  2. Duyên theo cảnh không có việc.
  3. Duyên theo cảnh tự tướng.
  4. Duyên theo cảnh tướng chung.
  5. Duyên theo cảnh thấy ngay đây.

6. Duyên theo cảnh không thấy ngay đây.
7. Duyên theo cảnh cửa ngoài.
8. Duyên theo cảnh cửa trong.
9. Duyên theo cảnh tự loại phiền não.
10. Duyên theo cảnh phiền não loại khác.
11. Duyên theo theo cảnh chính mình.
12. Duyên theo cảnh khác.
13. Duyên theo vô cảnh.
14. Duyên theo cảnh hữu lậu.
15. Duyên theo cảnh vô lậu.
16. Duyên theo cảnh hữu vi.
17. Duyên theo cảnh vô vi.
18. Duyên theo cảnh phân biệt của tự tâm.
19. Duyên theo cảnh nhớ nghĩ phân biệt.
20. Duyên theo cảnh sự tướng.
  - Thơ, nặng có hai mươi thứ là:
    1. Tính chất quả báo thô nặng.
    2. Tính chất phiền não thô nặng.
    3. Tính chất nghiệp thô nặng.
    4. Chương phiền não thô nặng.
    5. Chương sở tri thô nặng.
    6. Chương định thô nặng.
    7. Chương nghiệp thô nặng.
    8. Chương quả báo thô nặng.
    9. Chương ngăn che thô nặng.
    10. Suy nghĩ bất chính thô nặng.
    11. Buồn rầu thô nặng.
    12. Run sợ thô nặng.
    13. Vất vả mệt mỏi thô nặng.
    14. Ăn thô nặng.
    15. Chiêm bao thô nặng.
    16. Dâm dục thô nặng.
    17. Đại chằng trái nhau thô nặng.
    18. Thời gian thay đổi thô nặng.
    19. Chết thô nặng.
    20. Biến hành thô nặng.

Lại nếu nói lược, biết rõ phiền não là do năm thứ tướng: Tướng tự thể, tướng nhân, tướng phẩm loại, tướng quả và tâm rối loạn trước cảnh.

Lại nữa, vì sao cùng lúc nói phiền não tùy miên và bất thiện?

Tụng rằng:

*Vì thuận theo tự sinh,  
Vì hạt giống, cố sự  
Vì bốn lỗi của sinh,  
Vì ba nhân bất tịnh.*

**Luận chép:** Vì bốn thứ nhân nên gọi là tùy miên:

1. Vì thuận theo tự sinh. Nghĩa là nếu việc phiền não thì thuận theo phiền não ấy.

2. Hạt giống theo đấy bị trói buộc.

3. Tùy miên tăng thêm sức cho phiền não.

4. Phát sinh bốn lỗi:

1. Lỗi không vắng lặng.

2. Lỗi về chỗ khác nhau.

3. Lỗi về phát sinh hành động.

4. Lỗi về nhân nhiếp thọ.

Trong đây, một lỗi trước được hai lỗi sau làm sáng tỏ. Hai thứ lỗi do bốn thứ lỗi làm sáng tỏ.

Hỏi: Cùng lúc làm sao biết được tướng bất thiện phiền não?

Đáp: Do ba thứ nhân là tính chất dữ dội, gây nhiễu loạn cho hữu tình, làm chướng ngại điều thiện. Lại nữa, nay sẽ nói: Nghiệp tạp nhiễm quyết định lựa chọn kỹ.

Tụng rằng:

*Nghiệp tư và tư rồi,  
Khác nhau có mười ba,  
Quả sáu, ba vị kia,  
Nghiệp quyết định năm thứ.*

**Luận chép:** Nếu nói lược thì nghiệp có hai thứ là Tư Và Tư rồi, Nghiệp khác nhau lại có mười ba thứ là:

1. Thân nghiệp.

2. Ngữ nghiệp.

3. Ý nghiệp.

4. Nghiệp thuộc về luật nghi.

5. Nghiệp thuộc về bất luật nghi.

6. Nghiệp thuộc về đều sai.

7. Nghiệp phước.

8. Nghiệp chẳng phải phước.

9. Nghiệp bất động.

10. Nghiệp, dị thực đen đen.
11. Nghiệp, dị thực trắng trắng.
12. Nghiệp đen trắng, dị thực đen trắng.
13. Nghiệp chẳng phải đen trắng, không có dị thực.

Có thể dứt hết các nghiệp. Nên biết, nghiệp như vậy, có sáu thứ quả, ba thứ ngôi vị.

- Sáu thứ quả là Quả đáng yêu mến, Quả không đáng yêu mến. Quả thanh tịnh, Quả dị thực, Quả đẳng lưu và Quả tăng thượng.

- Ba ngôi vị là phạm vi tác dụng, phạm vi thói quen và phạm vi cho quả.

- Có năm thứ quyết định cho nghiệp là:

1. Quyết định lãnh thọ pháp hiện tại.
2. Quyết định nhận lấy sự sống.
3. Quyết định nhận lãnh khác nhau ở đời sau.
4. Quyết định nhận lấy quả báo.
5. Quyết định tạo nghiệp.

Lại nữa, Tụng rằng:

*Bốn thứ: Tự nghiệp thấy,  
Thực trước ấy cũng bốn.  
Còn chín thứ, nên biết,  
Tức hai thứ khác nhau.*

**Luận chép:** Như Đức Bạc-già-phạm nói: “Nầy, Ma-nạp-bà nên biết là tự nghiệp của tất cả hữu tình đã gây ra, là nguồn gốc của các tranh cãi, giành giựt, từ nghiệp sinh ra, nghiệp là chỗ nương của các cõi”. Như vậy, nghiệp này tự tạo. Nên biết bốn thứ đối với sự nối tiếp của chính mình mà có khả năng cho ra quả, do năng trị và sở trị đều hiện khởi ngay đây, do từ quá khứ mà phát sinh ra hiện tại, sẽ có đời sống nữa ở vị lai, nhưng do nghiệp đã dứt, nên gọi là nghiệp nương vào đường.

Lại nữa, nên biết, có bốn thứ báo dị thực trước sau. Gọi trước là do quả báo dị thực nặng. Kế đến là rất gần. Sau đó là thói quen, là tác giả trước và sau.

Lại nữa, nên biết, không thể cắt đứt nghiệp, nếu dị thực quyết định hay không có quyết định đối với nghiệp báo. Còn nếu xa lìa ham muốn thì không có gì gây trở ngại.

Lại nữa, ngoại đạo sinh kiến chấp như vậy, lập luận thuyết rằng: Thật ra, tùy theo nghiệp chúng sinh tạo thì hoặc vui cùng hiện đủ hoặc khổ cùng hiện đủ, nên những dị thực mà họ cảm thọ cũng giống như

vậy.

Lối chấp của ngoại đạo là chấp lưỡng đối. Vì sao? Vì có đủ hai

thọ, là các nghiệp thiện nhận cả hai quả báo là khổ và vui.

Nghiệp bất thiện cũng giống như vậy.

Lại nữa, nên biết, nghiệp nường vào hai căn cho nên nó trở thành tính chất thiện và bất thiện, là nó nường vào gốc lành thì khởi sinh nghiệp lành, nếu nường vào gốc không lành thì khởi sinh nghiệp bất thiện.

Lại nữa, tướng của nghiệp lành hay bất thiện khác nhau là do chín nguyên nhân:

1. Do nhân và do cố, nghĩa là từ gốc lành và không lành, do tôn trọng, v.v... mà có khác nhau.

2. Do sự, là bởi công việc có tròn đầy hay không.

3. Do phương tiện, là do phương tiện ân trọng không xen hở.

4. Do nường, là do chỗ nường tịnh hay bất tịnh.

5. Do tác ý là do tịnh tín mạnh mẽ và sự trối buộc thêm lên.

6. Do ham muốn, thắng giải là do hồi hướng cầu quả báo có hơn

ém. 7. Do giúp đỡ, là do thọ thuộc về các pháp thiện, bất thiện khác.

8. Do thường tu tập là tự tu hành, cũng bảo người khác khen ngợi tùy hỷ, thấy người đồng pháp sinh tâm vui mừng.

9. Do nhiều người, là cùng nhiều người cùng thực hành nghiệp

ây. Lại nữa, sinh tạp nhiễm quyết định lựa chọn tốt. Nay sẽ nói Tụng rằng:

*Mạng chung định, bất định,*

*Trung, yếu do sáu nhân.*

*Hiểu rõ vị ba tâm,*

*Trung hữu hoặc có không.*

**Luận chép:** Có hai thứ chết:

1. Quyết định sinh về châu Thắng thượng ở phía Bắc.

2. Không quyết định là sinh các nơi khác.

Lại trung yếu là do sáu thứ nhân:

1. Do không né tránh sự bất bình đẳng.

2. Do ý nghĩ quên mất.

3. Do ý giận dữ.

4. Do hết tuổi thọ.

5. Do nghiệp đã hết.

6. Do phước đã hết.

Lại nữa, lúc chết có ba thứ tâm: là tâm thiện, bất thiện và vô ký. Đó là trong vị tâm sáng tỏ. Nếu trong phạm vi không sáng tỏ thì chắc chắn chỉ có tâm vô ký.

Lại nữa, sau khi lia đời, hoặc có thân trung hữu là sắp sinh về cõi hữu sắc, hoặc không có thân trung hữu thì sắp sinh về cõi Vô sắc.

Lại nữa, Tụng rằng:

*Dựa vào sở duyên khác,  
Sinh khởi tâm nhiễm ô.  
Ở trong bốn thứ sinh,  
Và ba cõi năm đường.*

**Luận chép:** Nướng vào trung hữu khác, nơi có duyên sinh là cảnh, khiến tâm nhiễm ô sinh khởi, đưa đời sống nối tiếp mãi mãi. Lại nữa, qua bốn thứ sinh mà nhận lấy sống chết là sinh từ trứng, sinh từ thai, sinh từ ẩm ướt, sinh từ biến hóa. Sinh vào ba cõi Dục, sắc, vô sắc, và vào năm đường như Na-lạc-ca, v.v... để chịu sự sống chết.

Như vậy, từ sống chết, nơi chốn làm sáng tỏ lên sự quyết định lựa chọn vượt hơn trong xen lộn như bản ấy. Quyết định lựa chọn về sự thật nay sẽ nói, Tụng rằng:

*Nên biết thế tục đế,  
Ý hiểu nghĩa và nói,  
Tịnh duyên với tánh kia,  
Phương tiện gọi thắng nghĩa.*

**Luận chép:** Tất cả lời nói và những nghĩa nhân ý hiểu mà có được đều gọi là thế tục đế. Còn như sở duyên thanh tịnh, hay thể tính thanh tịnh, hoặc phương tiện kia đều gọi là thắng nghĩa đế.

Sở duyên thanh tịnh nghĩa là bốn Thánh đế và chân như.

- Thể tính thanh tịnh là diệt đế thanh tịnh.
- Phương tiện là Đạo đế.

Lại nữa, Tụng rằng:

*Phải biết là bốn thứ,  
Đã thuộc về nhiễm tịnh.  
Chưa thấy, chưa từng thọ.  
Như bệnh, diệt nhân bệnh.*

**Luận chép:** Phải biết bốn chân đế đã thuộc về hai pháp nhiễm ô và thanh tịnh. Hai thứ nhiễm ô này đủ quả hay nhân, thanh tịnh cũng như vậy. Tất cả hữu tình từ vô thủy cho đến giờ, chưa thấy được hai đế diệt và đạo, trong Bốn đế, một các chân thật, cũng như họ chưa từng



cảm nhận nó.

Lại nữa, ví như bệnh, hết bệnh, lấy hai nhân ấy mà lập ra Bốn đế. Khổ đế như bệnh, tập đế như nguyên nhân của bệnh. Diệt đế như bệnh hết. Đạo đế như tiêu diệt nguyên nhân của bệnh.

Lại nữa, Tụng rằng:

*Phải biết Bốn đế này,  
Đều bốn tướng, bốn hạnh,  
Biết khắp thấy bốn thứ,  
Tính nhân quả khác nhau.*

**Luận chép:** Nên biết Bốn Thánh đế, mỗi đế có bốn tướng:

- Khổ đế có bốn tướng là:

1. Khổ phát sinh.
2. Khổ duyên bên trong.
3. Khổ duyên bên ngoài.
4. Khổ thô, nặng.

Trước gọi là khổ sinh, kế đến là khổ vì già, bệnh, chết, thứ ba là oán thù mà phải gặp, khổ vì thương mến mà phải chia lìa, khổ vì mong cầu không được, thứ tư là khổ vì thân năm uẩn này.

- Tập đế có bốn tướng là:

1. Yêu mến tất cả các thứ.
2. Yêu mến thân sau.
3. Vui mừng ham muốn cùng hiện hành với điều mình yêu mến.
4. Vui mừng yêu mến về nơi chốn của hai món kia.

- Diệt đế có bốn tướng:

1. Ái dứt.
2. Lìa ham muốn.
3. Diệt.
4. Đạt Niết-bàn.

- Đạo đế có bốn tướng là: bốn thứ như khổ trì thông, v.v... hành tích của bốn tướng này, trước đã nêu. Lại nữa, mỗi đế đều có bốn hạnh, nên biết, như đã nói trong phẩm Thành lập hiện quán.

Lại nữa, ở mỗi đế đều có thể tính nhân quả biết khắp, của dứt hẳn, của tác chứng, của tu đạo. Ba thứ trước là quả mà tu đạo là nhân. Nghĩa là biết khắp nhân của khổ, dứt hẳn nhân của tập, chứng ngộ nhân của diệt. Vì sao thế tục gọi là đế?

Tụng rằng:

*Họ biết, không cãi lầy,  
Pháp nhĩ, chứng cũng vậy,*

*Ba thứ đế chỉ thiện.*

*Lại hai thứ, nên biết.*

**Luận chép:** Họ hiểu biết pháp là như vậy mà không tranh cãi, chống trái, nghĩa là người ngu ở thế gian này, nhìn thấy các hành như vậy, họ nhận biết các hiện tượng ấy không tranh cãi lẫn nhau thì gọi là pháp thế tục đế.

- Chứng cũng vậy, nghĩa là dưới mắt người thấy đế thì pháp tánh đúng là vậy, họ chứng đắc với sự vắng lặng, gọi là Thắng nghĩa đế. Bởi lý đó, nên Đức Bạc-già-phạm nói: “Tất cả bậc Thánh bởi họ chấp nhận sự thật này nên gọi là Thánh đế”.

Lại nữa, nên biết, bốn đế như khổ v.v... hai đế trước có cả ba tính là thiện, bất thiện và vô ký. Còn những đế khác chỉ có thiện.

Lại nữa, thiện có hai thứ là thế gian và xuất thế gian. Hai thứ thiện này thuộc về đoạn và đạo.

Như thế, đã nói về quyết định lựa chọn sự thật. Nay sẽ nói về sự nương của quyết trạch.

Tụng rằng:

*Bảy chỗ nương, nên biết,*

*Ba thứ tính nương,*

*Hai thứ khéo léo kia,*

*Bốn trường hợp nói rộng.*

**Luận chép:** Nên biết, có ba tính nương. Đức Bạc-già-phạm nói có bảy tính nương. Ba thứ nương là:

1. Nương tự lậu tận.
2. Nương tựa công đức phát khởi.
3. Nương tựa an trụ trong nguồn vui của pháp hiện tại.

Lại nữa, sự nương này, nên biết, có hai thứ thiện xảo:

1. Tam-ma-địa thiện xảo.
2. Tam-ma-Bát-để thiện xảo.

Nếu phân biệt rộng thì hai thứ thiện xảo này có bốn trường hợp.

Như Đức Bạc-già-phạm nói kệ:

*Hoặc có người tinh lự,*

*Tam-ma-địa thiện xảo,*

*Hoặc Tam-ma-bát-để,*

*Hoặc đủ, hoặc không đủ.*

Thế nào là Tam-ma-địa thiện xảo, không phải Tam-ma-bát-để thiện xảo? Là với ba pháp như không, v.v... là Tam-ma-địa thiện xảo, không phải thiện xảo của thắng xứ, biến xứ, định Diệt tận.

Thế nào là Tam-ma-bát-để thiện xảo, chẳng phải là Tam-ma-địa thiện xảo? Tam-ma-bát-để thiện xảo là hoặc nhập hay xuất đối với thắng xứ, biến xứ, định Vô tướng. Nó không phải là Tam-ma-địa thiện xảo.

- Thế nào là đều thiện xảo? Là đều có thiện xảo khác nhau giữa Tam-ma-địa và Tam-ma-bát-để, như đã nêu.

- Thế nào là đều chẳng phải thiện xảo? Là đều không có thiện xảo khác nhau giữa Tam-ma-địa và Tam-ma-bát-để, như đã nêu.

Lại nữa, thiện xảo của Tam-ma-địa không phải thiện xảo của Tam-ma-bát-để là sự nhận biết rõ chỗ khác nhau về tên gọi, câu, lời văn để chứng nhập Tam-ma-địa. Do không biết rõ hành trạng các tướng để có thể chứng nhập Tam-ma-địa, cho nên thiện xảo của Tam-ma-bát-để không phải là thiện xảo của Tam-ma-địa. Như người có khả năng biết rõ tướng trạng các hành để bước vào Tam-ma-địa, nhưng bước vào định kia rồi lại không khéo biết rõ chỗ khác nhau của tên gọi, câu, văn của Tam-ma-địa này, mà lại bảo: Nay tôi chứng nhập Tam-ma-địa cũng thế, cũng thế.

Lại nữa, có Bồ-tát có khả năng chứng nhập một trăm Tam-ma-địa hay một ngàn Tam-ma-địa nhưng Bồ-tát đó lại không biết rõ được chỗ khác nhau tên gọi, câu, bài văn của định kia, lại nói: Nay ta chứng nhập danh hiệu Tam-ma-địa như thế, như thế, cho đến chưa bao giờ theo Chư Phật và được nghe Đệ nhất rốt ráo của Đại Bồ-tát, hoặc chưa chứng đắc rốt ráo bậc nhất.

Hỏi: Thế nào là trụ định?

Đáp: Như có người khéo biết rõ tướng trạng các hành, khéo nhập định. Do khéo nhận thức nên tùy theo điều mình muốn mà an trụ vào định.

Lại nữa, những người này lại không lui sụt đối với các Tam-ma-địa mà mình chứng nhập. Cũng thế, có hai thứ trụ:

1. Do an trụ vào định nên gọi là trụ.
2. Do không lui sụt nên gọi là trụ.

Thế nào là xuất định?

Đáp: Như có người có khả năng nhập định, không phải tư duy tướng trạng các hành, nhưng do bất định địa lại thuộc về phân biệt tướng trạng, còn định địa thì đồng phần là tác ý tư duy các pháp cho nên xuất Tam-ma-địa này, hay có khi ra khỏi, định là vì công việc cần làm, hoặc ra khỏi định là vì công việc quyết định phải làm. Hoặc ra khỏi định là vì mãn thời hạn đã làm.

- Theo công việc làm là các dụng cụ chuyên môn của mình như y bát, v.v... quyết định phải làm là: những việc như đại tiểu tiện lợi, cúng dường sư trưởng, khát thực, v.v...

- Mãn thời hạn đã làm là: như có người hứa với người khác làm việc gì cho họ trong thời hạn nào đó. Hoặc bởi chứng nhập vào định khác, nên phải xuất định này.

Hỏi: Thế nào là hành?

Đáp: Vậy hành cảnh duyên hợp để bước vào định thì gọi là hành, nghĩa là từ Tam-ma-địa phát sinh ra các việc như lo về yên tịnh còn thô, mũi tên ung thư của vô thường bắn tới, v.v...

Thế nào là trạng?

Đáp: Như có ai sắp vào định, thì bấy giờ, người ấy phải có tướng định sanh khởi. Từ tướng này mà hành giả tự biết: Không bao lâu nữa, ta sẽ nhập vào tướng định như vậy, như vậy. Hay đã vào định rồi, giáo thụ Sư cũng biết: Hành giả này có tướng định như vậy, như vậy sanh khởi, không bao lâu nữa, y sẽ nhập vào định như vậy, như vậy.

Hỏi: Thế nào là tướng?

Đáp: Tướng có hai thứ: 1. Cảnh tướng; 2. Nhân tướng.

- Cảnh tướng là tướng phân biệt, do duyên theo tướng này mà nhập vào định.

- Nhân tướng là tất cả tư lương để nhập vào định. Như thuận theo ngôn giáo định thì phải có đủ những gom góp về nó, tu tập cả hai tâm niệm ham muốn tiến lên và nhàm chán, biết rõ về tướng loạn hay không loạn, và không bị kẻ khác làm náo loạn, hay kẻ nhân, phi nhân, tiếng động gây rối và các vật khác làm ồn.

Thế nào là điều thuận?

Đáp: Nếu Tam-ma-địa bị các hành tướng giữ chắc thì khác nào ta bưng nước sẽ bị dính nước, không phải là con đường vắng lặng, không phải là mầu nhiệm, không phải an ổn, không thể nào chứng được tâm định một chỗ. Nên biết, lúc ấy, không còn gọi là điều thuận Tam-ma-địa. Không theo ý trụ và trái với định trên, gọi là điều thuận.

- Thế nào là sở hành?

Đáp: Nếu vượt qua cảnh giới Tam-ma-địa thì không thể nhận biết được tướng của định, như nhập vào Sơ tĩnh lự thì không biết chuyện ở tĩnh lự thứ hai. Cũng thế, cũng không thấy biết căn độ và Bồ-đặc-già-la độ.

Thế nào là dẫn phát?

Đáp: Có khả năng lược nhiếp và nói rộng về văn câu, nghĩa và có

khả năng làm phát sinh công đức vượt hơn.

Thế nào gọi là Tam-ma-địa khả ái?

Đáp: Là có tâm hổ thẹn, ái kính, tịnh tín, tác ý như lý, ước niệm chính tri, giữ gìn các căn, giữ gìn giới cấm, không hối tiếc, cho đến niềm vui sau cùng, như mình thích nhập Tam-ma-địa kia. Nên biết, trái với đây thì gọi là không đáng yêu mến.

Thế nào gọi là đáng yêu mến, không đáng yêu mến?

Đáp: Là hổ thẹn, v.v... thành tựu phần ít, phần ít không thành tựu, có nghĩa là có hổ thẹn, nhưng không tương ứng với ái kính, cho đến nói rộng.

Hỏi: Thế nào là thêm lên?

Đáp: Là chứng Tam-ma-địa rồi làm cho lớn mạnh lên. Hỏi: Thế nào là giảm?

Đáp: Là chứng Tam-ma-địa rồi, lại lùi sụt. Hỏi: Thế nào là phương tiện?

Đáp: Hai đường để tiến tới. Hỏi: Thế nào là Xa-ma-tha?

Đáp: Không phân biệt ảnh tượng và tướng tác ý. Hỏi: Thế nào là chấp thọ?

Đáp: Là duyên theo tướng thanh tịnh hay tướng sáng tỏ mà khởi chấp lấy tướng.

Hỏi: Thế nào là buông xả?

Đáp: Là buông xả phẩm thiện đã bình đẳng tăng thượng.

Lại nữa, nay sẽ nói qua chỗ nương của các tính lự để quyết định lựa chọn cao siêu.

Tụng rằng:

*Tĩnh lự vài phần chương,  
Lập ra rộng về nó,  
Xa lìa các khổ, động,  
Phần sau hơn khác.*

**Luận chép:** Như trên đã nói bốn thứ tĩnh lự. Vì sao có bốn, không nhiều hơn hay ít hơn? Là do thoát khổ, vui một cách rốt ráo. Vì sao? Vì lần lượt cho đến tĩnh lự thứ tư, đều vượt qua các lo, buồn, mừng, vui, khổ.

Hỏi: Làm thế nào mà Sơ tĩnh lự trị hết các chương? Đáp: Có năm thứ nên biết:

1. Tham, giận, hại, tầm.
2. Khổ.

3. Lo lắng.
4. Phạm giới.
5. Tán loạn.

Hỏi: Những ngăn che tĩnh lự thứ hai trị là thế nào? Đáp: Cũng có năm thứ nên biết:

1. Tham ở Sơ tĩnh lự.
2. Tầm tứ.
3. Khổ.
4. Dao động.
5. Định mang tĩnh chất thấp kém.

Hỏi: Những ngăn che mà tĩnh lự thứ ba trị là thế nào? Đáp: Có bốn thứ nên biết:

1. Tham ở tĩnh lự thứ hai.
2. Mừng.
3. Hối hởi.
4. Định mang tĩnh chất thấp kém.

Hỏi: Những ngăn che mà tĩnh lự thứ tư trị là thế nào? Đáp: Cũng có năm thứ nên biết:

1. Hơi thở ra vào.
2. Tham của tĩnh lự thứ ba.
3. Vui.
4. Tác ý vui.
5. Định mang tĩnh chất thấp kém.

Hỏi: Các tĩnh lự có mấy chi?

Đáp: Sơ tĩnh lự có năm chi, năm chi là tầm tứ, hỷ, lạc, tâm một cảnh tánh.

- Tĩnh lự thứ hai có bốn chi là: Bên trong lắng sạch, hỷ, lạc tâm một cảnh tánh.

Hỏi: Bên trong lắng sạch lấy gì làm thế?

Đáp: Lấy biết chánh niệm và xả làm thế. tĩnh lự thứ ba có năm chi là niệm, chánh tri, xả, lạc, tâm một cảnh tánh.

Tĩnh lự thứ tư có bốn chi là: Xả thanh tịnh, niệm thanh tịnh, không khổ không vui, tâm một cảnh tánh.

Hỏi: Vì sao không thấy nói về niệm, xả tất cả chỗ, chánh tri, đối với Sơ tĩnh lự?

Đáp: Trong Sơ tĩnh lự, do hai cửa tầm tứ dẫn phát, nên dù có các món ấy, nhưng không nói. Ở tĩnh lự thứ hai, có sự tạo nghiệp của tự thể hối hởi. Và, trong tâm còn có một ít phần phiền não trói buộc, che lấp,

cho nên làm sáng tỏ gộp chung lấy tên là bên trong lắng sạch.

Trong tĩn lự thứ ba, tâm hành giả đã lìa khỏi một ít phần phiền não kia, do vậy mà tự tướng sáng tỏ. Cho nên trong kinh nói xa lìa hỷ tham. Trong Sơ tĩn lự, dù dục tham đã tách lìa nhưng chưa lìa hỷ tham. Trong tĩn lự thứ hai, dù tâm tứ đã tách lìa, nhưng chưa lìa hỷ tham. Trong tĩn lự thứ tư, đã xả niệm thiện thanh tịnh tốt cùng cho nên sáng tỏ. Vì vậy trong các tĩn lự, vẫn có khác nhau, được tương ứng với mỗi tĩn lự.

Hỏi: Vì sao đối với bốn tĩn lự mà lập ra bốn chi

năm chi? Đáp: Do chỗ nương cho trụ, do trụ thuận ích, bởi trụ tự thể.

Lại nữa, do cảnh giới tư duy, do cảnh giới thọ dụng, do đối với cảnh không tán loạn.

Lại nữa, do chỗ nương của thuận ích, do chỗ nương của tâm tăng thượng, do chỗ nương của tuệ tăng thượng. Lại nữa do đối với ba thứ trụ chướng não loạn. Ba thứ trụ nào loạn là: nhiễm ô trụ khổ trụ, mê loạn trụ.

Lại nữa, như người thọ dụng năm dục lạc, có ba việc chân chính phải làm để cho sáng tỏ các ham muốn mà họ thọ dụng là:

1. Dùng phương tiện chân chính để cầu mong được thọ dụng.
2. Cầu được rồi chính thức thọ dụng.
3. Tùy chuyển tự tại.

Như vậy, người tu tĩn lự nương vào ba việc cần làm chân chính, như được thích ứng với tĩn lự của mình, nên lập ra các chi phần, nên biết.

Lại nữa, vì đối trị với người tự khổ hạnh mà người tu tĩn lự phải lập ra chi phần, nên biết. Ở đây, lại có ba thứ đối trị:

1. Đối trị để lìa ham muốn.
2. Thân tâm nghỉ ngơi để đối trị với vây ngặt não loạn.
3. Đối trị để tâm tán loạn bên ngoài được sự lắng yên.

Hỏi: Vì sao trong Sơ tĩn lự, đã nói tách rời ham muốn rồi, sao lại còn nói tách lìa khỏi pháp ác, pháp bất thiện?

Đáp: Vì muốn làm sáng tỏ tự tướng của các ham muốn và làm sáng tỏ tướng của tội lỗi.

Tướng tội lỗi là những ham muốn phát sinh ra những việc làm ác, sẽ rơi xuống nơi thấp nhất. Nên gọi là ác, sinh khởi trái với pháp thiện thì gọi là ác.

Lại nữa, muốn làm sáng tỏ việc dứt trừ phiền não tạp nhiễm và muốn làm sáng tỏ việc trước là đoạn các nghiệp tập chứa nhóm tạp

nhiễm. Lại nữa, muốn làm sáng tỏ việc dứt trừ dục tâm của người tại gia về những thọ hưởng, ăn, ở và làm sáng tỏ việc dứt trừ pháp sinh do đường suy tư tìm kiếm trong tâm ý người xuất gia.

Lại nữa, muốn làm sáng tỏ việc dứt trừ ham muốn do tìm cầu, và muốn làm sáng tỏ việc dứt trừ giận dữ do tìm cầu làm hại đến tìm cầu. Lại nữa, muốn làm sáng tỏ tướng chứng đắc cho các tiên ngoại đạo biết. Và, để làm sáng tỏ việc dứt trừ những chú thuật quái ác mà họ làm sinh, sau khi bị đẩy lùi ra.

Hỏi: Vì sao nói gốc khổ trong Sơ tĩnh lự chưa được dứt trừ?

Đáp: Do phạm vi ấy, chưa tách rời khỏi thô nặng. Nếu Sơ tĩnh lự dứt trừ gốc khổ thô nặng cùng lúc ấy không khác với người an trụ trong tĩnh lự thứ hai. Cho nên phải biết, trong Sơ tĩnh lự chưa đoạn khổ thô nặng.

Hỏi: Các pháp tâm tứ trong Sơ tĩnh lự, có thể vì thuận ích, mà nhiếp thọ tự địa khiến được thanh tịnh. Vậy thì vì sao Đức Như lai nói tĩnh lự kia là dao động?

Đáp: Bởi ngó vào địa khác nên nói là chao động, chứ không phải ngó vào địa mình.

Hỏi: Vì sao từ cõi Dục cho đến Sơ tĩnh lự lập ra các chi sau cùng?

Đáp: Nói lược có ba nhân là năng trị, sở trị, do chứng được lợi ích, vì chứng tự thể, nên ba nhân ấy thuộc về năm chi trong bốn tĩnh lự, nên biết, cho thích ứng với mỗi thứ.

Hỏi: Tĩnh lự thứ hai so với Sơ tĩnh lự có gì thù thắng khác không? Đáp: Tam-ma-địa tròn đầy là chỗ khác nhau, vượt hơn.

Hỏi: Tĩnh lự thứ ba đối chiếu với tĩnh lự thứ hai có gì khác hơn không?

Đáp: Thuận theo ích lợi tròn đầy là chỗ khác nhau, vượt hơn. Hỏi: Tĩnh lự thứ tư có gì khác hơn so với tĩnh lự thứ ba?

Đáp: Thanh tịnh tròn đầy là chỗ khác nhau, vượt hơn. Lại nữa, Tụng rằng:

*Cận phần, hỷ, có động,*

*Chỉ sơ, năng hết lậu.*

*Cũng hai thứ duyên, thanh,*

*Tám đẳng đến xả tám.*

**Luận chép:** Cận phần Sơ tĩnh lự còn hỷ, có xáo động. Hỷ này khác với hỷ của tĩnh lự căn bản.

Lại nữa, cận phần Sơ tĩnh lự chưa được xếp vào trong định có thể



diệt hết hữu lậu, chẳng phải chi khác. Lại nữa, sơ cận phần có hai thứ là thế gian và xuất thế gian. Cận phần khác chỉ là ở thế gian. Do đã được căn bản tinh lự vô lậu đầu tiên, nên chẳng phải là định cận phần vô lậu hiện tiền ở địa trên.

Lại, khi ở trong định mà xúc chạm với tiếng động bên ngoài, thì nên biết là do hai thứ chấp lấy:

1. Do ý thức đã biết rõ cảnh sở duyên của định và các thức cảnh sở duyên của ý thức.

2. Do ý thức ấy cùng phát sinh tác dụng với nhĩ thức.

- Tám Đăng chí xả tám là tám thứ Tam-ma-bát-để có khả năng buông xả tám việc, là: bỏ ngữ, tầm, hỷ, lạc, chứng Tam-ma-bát-để của tinh lự thứ tư, bỏ tướng về sắc, không, xứ của Vô sở hữu xứ. Chúng được Tam-ma-bát-để của bốn Vô sắc.

Lại nữa, tụng rằng:

*Trụ an vui hiện pháp,  
Năng nhập vào hiện quán.  
Khen nói tướng giải thoát.  
Bốn thứ nhân, nên biết.*

**Luận chép:** Chỉ có các tinh lự mới là hiện pháp an vui, có tính chất an trụ bởi cả hai thứ thân và tâm an ổn, chẳng phải như định ở cõi Vô sắc, ở đó không có thân để an.

Lại, nương vào tinh lự có khả năng nhập vào hiện quán, chẳng phải định vô sắc, vì các tinh lự Tỳ-bát-xá-na rất mạnh mẽ.

Lại nữa, tu tinh lự và các định, vô sắc, giải thoát thường nhập định, thường xuất định để khen ngợi tướng hiện quán kia rất vắng lặng.

Lại, vấn đề định vô sắc, hàng ngoại đạo khởi tướng giải thoát, nên thường khen ngợi.

Lại, nương vào hữu tướng Tam-ma-địa mà được giải thoát, có công năng diệt hết hữu lậu, cho đến Vô sở hữu xứ, Tam-ma-địa này rất mạnh mẽ. Cho nên Đức Bạc-già-phạm nói: “Chỉ nương vào hữu tướng Tam-ma-bát để mới nhận được hiểu biết thông suốt, chứ chẳng phải địa khác”.

- Bốn thứ nhân là Tam-ma-bát-để có công năng làm bốn thứ nhân nương cho an vui trú trong hiện pháp, như thứ lớp trên, nên biết.

Lại nữa, Tụng rằng:

*Nên biết, ái vị thầy,  
Mười thứ, sáu, ba thứ,  
Lui nối nhau trị chướng,*

*Điều nhiều thứ khác nhau.*

**Luận chép:** Ái vị tương ứng ba thứ tĩnh lực vô lậu, theo thứ lớp trên, có mười thứ, sáu thứ, ba thứ nên biết.

Mười thứ là: Như đã nói trong phẩm Thâu nhiếp sự. Sáu thứ là sáu thanh tịnh:

1. Thanh tịnh Dẫn phát.
2. Thanh tịnh Thượng luyện.
3. Thanh tịnh Hậu đắc.
4. Thanh tịnh Cấu nhiễm.
5. Thanh tịnh thâu nhiếp.
6. Thanh tịnh Kham nhậm.

Thế nào là ba thứ? Là vô lậu xuất thế gian, vô lậu lìa trói buộc và vô lậu hậu đắc.

Lại nữa, từ sau khi lìa ham muốn, tâm trí lười sụt nối nhau không nhập định được thì phải đối trị tư tưởng chán nản đó.

Nên biết, đều có nhiều thứ. Hoặc do nương không bình đẳng nên lười sụt, như kẻ bị bệnh nặng nên lui về trong định. Như Tôn giả Phạt-lặc-ca-lê nói: “Nay, tôi không thể nhập vào Tam-ma-địa này, tôi không còn hiện diện trong Tam-ma-địa này?. Do bị nhiều thô nặng mà lui về chăng?”

Lại nữa, như có người mang tính chất thô nặng quá nhiều do thói quen đời trước nên có đa số thô nặng như vậy bèn lui về Tam-ma-địa.

- Hoặc lui về do cảnh giới mầu nhiệm đẹp đẽ, như có người chứng được cảnh giới đẹp đẽ hiện tiền nên thoái chí bỏ mất định, như nghe nói có một vị tiên ngoại đạo, chứng tới phi tướng Phi phi tướng xứ, do xúc chạm thân thiếu nữ khả ái, nên mất định của mình.

- Hoặc do cung kính cúng dường mà mất thiền định, như có người hiện đây đón nhận sự cung kính cao tột nên quên mất thiền định.

- Như các vị trời do bị khinh chê mà mất thiền định, như có người bị người khác tức giận chế nhạo quở trách nên liền mất thiền định.

- Như các vị tiên ngoại đạo do giận dữ nên mất thiền định rồi làm những chú thuật độc ác. Hoặc do kiêu ngạo mà mất thiền định, như có người chứng định tự hào, khinh miệt kẻ khác mà mất định.

- Hoặc do tăng thượng mạn nên lui sụt mất định, như có người chưa được định, nhưng khởi lên tăng thượng mạn nên lui mất định.

- Hoặc do không tác ý nên lui về, như có người trước bởi tướng trạng hành vi mà nhập vào định. Thời gian sau, không tư duy tướng trạng hành vi này nên làm mất thiền định.

- Hoặc do không thuận thực, nên lui về, như có người tu tập nghiệp kiếp trước, đầu tiên là phát sáng phẩm thiện.

- Hoặc do nhiều phiền não hiện ở trước mắt nên lui mất định, như có người bởi ưa thích tĩnh lự trên, rồi nghi ngờ tĩnh lự trên, nên lui mất định.

- Hoặc do tuổi thọ hết, hết phước, hết nghiệp mà lui mất định, là như có người sinh ra từ cõi trên, sau khi chết, sinh xuống cõi dưới. Lại nữa, như người mắc phiền não phẩm hạ, Bồ-đặc-già-la phẩm hạ, căn phẩm hạ, do dụng công sau nhiều sát-na mà lui mất định. Lại cũng do dụng công tu tập trong nhiều sát-na mới nhập vào định.

- Hoặc mắc phiền não phẩm dưới, căn lành phẩm thượng, Bồ-đặc-già-la, bởi dụng công sau nhiều sát-na lui mất định, nhưng rồi mau lẹ do một sát-na lại nhập vào định.

- Hoặc người mắc phiền não phẩm thượng, gốc lành phẩm hạ, Bồ-đặc-già-la, do sát-na mau mà mất định rồi phải nhiều ý niệm dụng công mới có thể nhập định.

- Hoặc người mắc phiền não thượng phẩm, gốc lành phẩm thượng, Bồ-đặc-già-la, do một sát-na mau lẹ mà mất định rồi do một sát-na mau lẹ mà nhập vào định.

Lại nữa, Tụng rằng:

*Lợi căn và sinh chuyển,  
Nên biết, không lui mất.  
Nương cõi dưới phát định,  
Được lia dục đời sau.*

**Luận chép:** Đối với bậc lợi căn như vậy, không lui sụt. Nếu chuyển qua đời sống khác, dù căn tính chậm lụt, họ vẫn không bị lui sụt. Lại nữa, các tĩnh lự, trước quyết định dựa vào cõi dưới phát sinh, bởi trước phải nhập vào định ở đây, rồi sau mới sinh về nơi kia. Vì sao? Do trước, hành giả phải lia dục, rồi sau mới sinh đến chỗ khác. Như vậy, đã nói quyết định lựa chọn chỗ nương. Về quyết định chọn lựa phần giác, nay sẽ nói.

Tụng rằng:

*Nương Nhị thừa, Đại thừa,  
Do hai mươi bảy tướng.  
Phương tiện chính, nên biết.  
Lập ra ở phần giác.*

**Luận chép:** Nương vào hai thừa Thanh văn, Độc giác và nương vào Đại thừa để lập nên phần giác, bằng hai mươi bảy thứ tướng phương

tiện chân chính, nên biết. Là hai mươi bảy thứ là:

1. Phương tiện lệ thuộc sở duyên của chánh quán.
2. Phương tiện lìa xả nhiễm ô, nhiếp tịnh.
3. Phương tiện điều thuận tu trị trong tâm.
4. Phương tiện dẫn dắt mà phát sinh chánh pháp, xuất thế.
5. Phương tiện không xen hở, thiếu sót.
6. Phương tiện chân thật hiện giác.
7. Phương tiện chứng vô dự vắng lặng.
8. Phương tiện có được những hiểu biết.
9. Phương tiện nhập vào dứt trừ.
10. Phương tiện thông đạt bất tịnh, không thích có khổ.
11. Phương tiện học tròn đầy.
12. Phương tiện quán sát không bị tán loạn.
13. Phương tiện Thánh giáo không hư hoại.
14. Phương tiện thấu nhiếp tâm trí không cần biết quả kia.
15. Phương tiện nguyện.
16. Phương tiện thương xót hữu tình.
17. Phương tiện trí tu trị.
18. Phương tiện pháp hiện quán.
19. Phương tiện năng trị sở trị thú hưởng.
20. Phương tiện chứa nhóm phước đức tư lương.
21. Phương tiện thành thực hữu tình.
22. Phương tiện gom hết về đạo Bồ-tát.
23. Phương tiện dẫn phát oai đức.
24. Phương tiện dẫn phát ngôn giáo.
25. Phương tiện chứa nhóm lâu ngày tâm rộng lớn sâu xa.
26. Phương tiện xa lìa, pháp nghiệp thiếu thốn.
27. Phương tiện an trụ hai cảnh giới là hữu tình, Niết-bàn.

Lại nữa, Tụng rằng:

*Thân, thấy ba khác nhau  
Kia tùy quán ảnh tượng.  
Do ba trí nghe thấy,  
Niệm pháp không mê lầm.*

**Luận chép:** Nên biết thân, v.v... đều có ba thứ khác nhau. Thân ba thứ là: Hoặc bộ phận thân mà tính nó vốn không trong sạch bên trong. Hoặc có bộ phận thân dường như sạch, như phần da thân. Hoặc có bộ phận hư hoại bất tịnh, như chết, phần thân thể bầm xanh lên.

- Cảm thọ có ba thứ là: Khổ, vui và không khổ, không vui.

- Tâm có ba thứ là: là vui v.v...

- Pháp tương ứng với thọ, có ba thứ: đen, trắng, xen lẫn, các ảnh tượng ấy là bởi người quan sát.

Như kinh Tâm Tứ nói: ảnh tượng của thân nọ là tùy người quan sát. Nó đồng phần loại với việc hiểu biết chung, gọi là ảnh tượng.

- Gọi là tùy theo là có ý nghĩa giống nhau.

Lại nữa, tùy quan sát này tức là do ba trí là trí có được do nghe, trí có được do suy nghĩ và trí có được do tu tập. Ba trí ấy, do sức mạnh của niệm làm tăng thêm cho nó. Các pháp như Tu-đa-la không có mê lầm, nên gọi là niệm trụ đối với thân, thọ, tâm, pháp do sức mạnh của niệm mà trụ.

Lại nữa, Tụng rằng:

*Sở tri kia chín thứ,*

*Tác ý hai, nên biết.*

*Tu khác nhau có ba,*

*Hai thứ không hư mất.*

**Luận chếp:** Nên biết, niệm trụ có chín thứ chướng sở tri là:

1. Không nhàm chán xa lìa.
2. Không tác ý.
3. Chỉ quán tùy phiền não.
4. Chìm xuống.
5. Không thể chịu đựng.
6. Tri túc thấp kém.
7. Quên việc dạy bảo.
8. Trái phạm giới hạnh.
9. Xả bỏ ham muốn dục lạc mà tăng thêm sự lanh lợi cho các ách sâu mâu.

Lại, tu niệm trụ, có hai thứ tác ý là: Tác ý không chậm trễ và tác ý không ô nhiễm. Kinh nói: Hăng say mạnh mẽ đó là làm sáng tỏ thứ nhất, kể là dùng chánh trí nhớ nghĩ mà dứt trừ tham đắm thế gian, đó làm sáng tỏ thứ hai. Món thứ hai này có công năng trừ dẹp ba thứ tạp nhiễm:

1. Do nhân duyên phạm giới nên tâm ăn năn, biến cải, do sự cản che này, khiến thời gian đầu, tâm không được định.
2. Nội tâm nặng nề, quên mất, do sự che chướng này nên dù định đã được nhưng đối với sở duyên, tâm hay quên mất, chìm mất.
3. Tâm hưởng bên ngoài tán loạn. Do sự ngăn che này nên dù đã chứng pháp cao quý, nhưng vẫn còn say đắm danh vọng lợi dưỡng thế

gian. Hoặc chưa chứng được pháp tinh tấn vượt bậc, tâm sanh lo buồn.

- Tu khác nhau có ba thứ là: Tu niệm trụ, mỗi pháp có ba thứ. Nghĩa là theo sự quán sát về thân cả trong lẫn ngoài.

Lại nữa, đối với thân, hoặc chỉ quan sát ảnh tượng, hoặc dùng ảnh tượng so sánh giống với thân. Hoặc hòa hợp quán chung. Cũng như đối với thân có ba thứ như vậy, cho đến pháp cũng vậy.

Lại nữa, có hai thứ không hoại mất đối với các niệm trụ là:

1. Từ đầu không hư mất, là không tán loạn nhờ vào sức mạnh này mà niệm trụ phát sinh tốt đẹp.

2. Về sau không hoại mất là không có tăng thượng mạn. Nhờ sức mạnh này mà khéo tu tập đến chỗ rốt ráo.

Lại nữa, Tụng rằng:

*Do dứt trừ hôn, trao,  
Đạo tương ứng hai thứ.  
Quán xét xả phiền não,  
Và vì dứt ba ái.*

**Luận chép:** Trong giai vị tu tập niệm trụ, nhằm dứt trừ hôn trầm, trao cử nên phải tu tập hai đạo lý tương ứng. Như kinh Bí-sô-ni và kinh Thủ Tự Tâm Tướng có nói: Kinh Bí-sô-ni nói: “Do dứt trừ sự hôn trầm nên phải suy nghĩ một chút tướng mạo thanh tịnh đáng yêu mến. Do dứt trừ dao động nên phải lược thấu nhiếp”.

- Kinh Thủ Tự Tâm Tướng nói: “Do không biết nắm bắt tướng tự tâm nên làm cho nó bị chìm nặng xuống. Do chỉ nắm bắt phần nhỏ tướng đáng yêu mến bên ngoài, nên tâm chìm xuống, tùy phiền não tạm thời bị cắt đứt. Nhưng do tâm chưa định nên phải thấu nhiếp nó, thu phục tâm mình lại. Sau khi tâm chìm xuống đã trôi qua thì lại chấp lấy tướng bên ngoài. Sau khi không còn dao động thì phải chấp lấy tướng tự tâm. Bấy giờ, có thể cắt đứt các sự chìm xuống, xáo động, tùy phiền não nên tâm được chánh định. Do lược thu phục tâm mình, chấp lấy tướng tự tâm nên lìa khỏi chìm xuống và xáo động

Lại nữa, nhờ suy nghĩ đạo lý tương ứng nên có khả năng dứt bỏ phiền não, nên biết. Như nơi kinh Chim Yến, trong đó có câu: Gọi chim Yến là dụ cho tâm hành giả làm việc không đáng làm.

- Xứ là dụ cho cảnh giới đáng yêu mến mà hành giả suy nghĩ.

- Bị chim bồ cất tóm lấy là dụ cho hành giả bị trói buộc trong tham ái.

- Chim nhỏ oán giận tố cáo là dụ cho tâm hành giả sinh ăn năn sửa đổi.

buộc.

Tạm thời buông ra là dụ cho hành giả tạm thời dứt tham ái trời

- Cục đất là dụ cho năm thủ uẩn.
- Gò đại tràng là dụ cho pháp quán vô thường.
- Hang ổ là dụ cho sự thông đạt quán chân như.
- Kêu chim bồ câu là dụ cho tác ý quán sát.
- Chim bồ câu bay nhanh đến là dụ cho trời buộc tham ái hiện ở trước mặt hành giả.
  - Chui vào hang ổ là dụ cho quán tư duy chân như.
  - Chim bồ câu tự làm khổ hại là dụ cho tùy miên bị cắt đứt.

Lại nữa, đạo lý tương ứng này, nên biết, có công năng tạt cạn hết ba thứ ái nhiễm là ái giúp đỡ, ái lợi dưỡng, ái đời sau. Do đối trị chúng nên làm sáng tỏ ngã và pháp chẳng khác nhau.

Lại nữa, Tụng rằng:

*Vì dứt tăng thượng mạn,  
Vị chỗ nương điên đảo,  
Và ba tâm thú nhập,  
Tu tập pháp niệm trụ.*

**Luận chép:** Nhằm đối trị tăng thượng mạn, nhằm đối trị vị ngọt yêu mến là chỗ nương cho định, nhằm đối trị bốn thứ điên đảo, cho nên phải tu tập pháp niệm trụ.

Nhằm đối trị tăng thượng mạn, như kinh nói, phải nhận lấy tâm pháp như niệm trụ ngay trên thân này. Có thể dùng trí, kiến, hệ niệm mà đối trị tăng thượng mạn có hai thứ là nó sinh khởi, do trọng chướng thô nặng nơi thân chưa dứt trừ và chưa được tròn đầy chỉ quán đủ phẩm trị.

- Nhằm đối trị vị ngọt của ái, là chỗ nương của định, như kinh nói: không nương vào đâu.

- Nhằm đối trị điên đảo, như kinh nói: Không còn chấp các thứ trên thế gian, dụ một chút. Do, trái ngược đã được dứt trừ, như không còn chấp, dù là phần nhỏ, nên năm thủ uẩn là thường, là lạc là ngã, là tịnh.

Lại nữa, ba tâm hướng đến tu tập niệm trụ, nên biết, là khi đi vào xóm làng thì tâm hướng ra ngoài. Khi dừng chân nơi ồn ào thì tâm nhắm đến xa lìa. Còn khi ở trong tịnh thất thì tâm hướng đến Niết-bàn. Lại nữa, nhằm ra sinh tử, nhằm lìa khỏi phiền não, ưa vui vắng lặng, cho nên tâm hướng đến Niết-bàn.